

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Chuyên ngành:

Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc

Mã số:

8140111

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: *Lý luận và phương pháp dạy học Âm nhạc*

+ Tiếng Anh: *Music Teaching Theory and Methods*

- Mã số ngành đào tạo: 8140111

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 24 tháng

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: *Lý luận và phương pháp dạy học Âm nhạc*

+ Tiếng Anh: *Music teaching theory and methods*

- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

- Thời gian thiết kế/điều chỉnh chương trình đào tạo: 2023

- Căn cứ xây dựng chương trình:

+ Căn cứ Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

+ Căn cứ Thông tư 17/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-ĐHSPNTTW ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

PHẦN II: MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học Âm nhạc có kiến thức sâu rộng về lý luận âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc, có năng lực sư phạm đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội nói chung, của ngành giáo dục nói riêng; đồng thời, đáp ứng nhu cầu học tập nâng cao trình độ của đội ngũ giáo viên giảng dạy bộ môn Âm nhạc trong các trường phổ thông và bậc trung cấp, cao đẳng, đại học; người học có thể học tiếp lên bậc cao hơn, có khả năng tự học để hoàn thiện và nâng cao năng lực làm việc.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về kiến thức

Có kiến thức chuyên ngành sâu về lý luận và thực hành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc để giải quyết nhiệm vụ giáo dục nghệ thuật, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo trong xu thế hội nhập; có tư duy phản biện, khả năng quản lý công tác dạy học môn chuyên ngành và âm nhạc ở các trường chuyên nghiệp, các trường phổ thông và cơ quan quản lý giáo dục; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc.

Có kiến thức tin học chuyên ngành trong lĩnh vực dạy học âm nhạc dựa trên chuyên môn Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc.

Đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

2.2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức về lý luận và PPDH Âm nhạc để áp dụng vào thực tiễn thực hành nghề theo yêu cầu của chương trình đào tạo Thạc sĩ Lý luận và PPDH Âm nhạc, đáp ứng thực tiễn nghề nghiệp sau này của người học.

Áp dụng được các kỹ năng về tổ chức, xây dựng, hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học, PPDH âm nhạc tại các cơ sở đào tạo; kỹ năng tổ chức quản lý hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp và không chuyên.

Vận dụng linh hoạt các kỹ năng nghiên cứu về khoa học sư phạm âm nhạc vào thực tiễn học tập và nghiên cứu suốt đời.

2.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Có khả năng tự chủ và chịu trách nhiệm để có thể tự định hướng phát triển năng lực chuyên môn, để có thể tự học, tự nghiên cứu suốt đời; năng lực xây dựng, thẩm định kế hoạch trong quản lý và hoạt động chuyên môn; năng lực dẫn dắt chuyên môn với đồng nghiệp để xử lý những vấn đề lớn trong lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc. Có ý thức trách nhiệm cao trong thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, trong lối sống, đạo đức, tác phong của người giáo viên, người trí thức giáo dục nghệ thuật.

PHẦN III. CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ THÔNG TIN TUYỂN SINH

1. Chuẩn đầu vào:

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc.
- Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học Âm nhạc phải học có chứng nhận đã hoàn thành bổ sung kiến thức của chương trình đại học trước khi dự thi.
- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Nếu người dự tuyển chưa đáp ứng yêu cầu này thì phải tham gia thi đánh giá năng lực ngoại ngữ do Nhà trường tổ chức khi thi tuyển đầu vào.

2. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Người đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên), hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc các ngành đúng, ngành gần và ngành khác phù hợp với ngành Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc.
- Phương thức tuyển sinh: thi tuyển
 - + Môn thi cơ sở: Năng lực hoạt động Âm nhạc (Thanh nhạc/Nhạc cụ)
 - + Môn thi cơ bản: Kiến thức âm nhạc tổng hợp
 - + Môn Ngoại ngữ
- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 100 học viên/năm

PHẦN IV: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã CDR	Chi tiết

	CDR - Kiến thức
KT1 4	Phân tích, tổng hợp được các kiến thức nâng cao về Triết học, Ngoại ngữ, Tin học để vận dụng vào học tập, nghiên cứu và giảng dạy chuyên môn âm nhạc.
KT2 4	Phân tích, tổng hợp được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành về lý luận âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc
KT3 6	Biết đánh giá và sáng tạo trong tiếp nhận các kiến thức cơ sở và chuyên ngành về lý luận âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc
KT4 3	Vận dụng được các kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành về lý luận âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc để phát triển kỹ năng thực hành nghề, năng lực dạy học âm nhạc ở các cấp học, các cơ sở đào tạo âm nhạc phổ thông, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp đào tạo âm nhạc và sư phạm âm nhạc.
KT5 6	Vận dụng sáng tạo các kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành về lý luận âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc để phát triển kỹ năng thực hành nghề, năng lực dạy học âm nhạc ở các cấp học, các cơ sở đào tạo âm nhạc phổ thông, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp đào tạo âm nhạc và sư phạm âm nhạc.
KT6 3	Vận dụng được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để phát triển năng lực nghiên cứu khoa học âm nhạc và giáo dục âm nhạc gắn liền với những nghiên cứu chuyên sâu dựa trên chuyên môn Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc.
KT7 4	Phân tích, tổng hợp được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để phát triển năng lực nghiên cứu khoa học âm nhạc và giáo dục âm nhạc gắn liền với những nghiên cứu chuyên sâu dựa trên chuyên môn Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc.
KT8 6	Vận dụng sáng tạo các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để phát triển năng lực nghiên cứu khoa học âm nhạc và giáo dục âm nhạc gắn liền với những nghiên cứu chuyên sâu dựa trên chuyên môn Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc.
	CDR – Kỹ năng

KN1 4	Phối hợp được các kỹ năng vận dụng kiến thức giáo dục đại cương với kiến thức chuyên ngành vào học tập, nghiên cứu và giảng dạy chuyên môn âm nhạc.
KN2 2	Thao tác được các kỹ năng liên quan đến công việc chuyên môn bằng ngoại ngữ, tin học dựa trên chuyên môn Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc.
KN3 3	Chuẩn hóa được các kỹ năng thực hành nghề, kỹ năng dạy học âm nhạc ở các cấp học, các cơ sở đào tạo âm nhạc phổ thông, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp đào tạo âm nhạc và sư phạm âm nhạc.
KN4	Phối hợp được các kỹ năng trong thực hành nghề và trong dạy học âm nhạc ở các cấp học, các cơ sở đào tạo âm nhạc phổ thông, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp đào tạo âm nhạc và sư phạm âm nhạc.
KN5 5	Thành thục các kỹ năng thực hành nghề, kỹ năng dạy học âm nhạc ở các cấp học, các cơ sở đào tạo âm nhạc phổ thông, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp đào tạo âm nhạc và sư phạm âm nhạc.
KN6 5	Thành thục các kỹ năng nghiên cứu khoa học âm nhạc và giáo dục âm nhạc gắn liền với những nghiên cứu chuyên sâu dựa trên chuyên môn Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc.
CDR –Mức tự chủ và trách nhiệm	
TC1 3	Tự định hướng để phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn
TC2 2	Đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ
TC3 3	Tự chịu trách nhiệm và bảo vệ được những kết luận chuyên môn
TC4 5	Phát hiện, giải quyết được những vấn đề trong lĩnh vực giảng dạy âm nhạc; dẫn dắt, hướng dẫn chuyên môn cho người khác thực hiện công việc do mình quản lý, tư vấn thuộc lĩnh vực Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc.

TC5 5	Nhận định đánh giá và quyết định được phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; xây dựng, thẩm định kế hoạch, phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn.
TC6 4	Thể hiện ý thức trách nhiệm cao trong thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, trong lối sống, đạo đức, tác phong của người giáo viên, người trí thức giáo dục nghệ thuật.

PHẦN V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Làm công tác giảng dạy âm nhạc tại các trường phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học.
- Làm công tác nghiên cứu ở các tổ chức, cơ quan về âm nhạc, các cơ sở đào tạo đặc biệt về lĩnh vực âm nhạc, Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc.
- Làm những công việc liên quan đến những vấn đề khác nhau thuộc lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.

PHẦN VI. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Sau khi tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, người học có thể tiếp tục học tập nâng cao ở trình độ Tiến sĩ.

PHẦN VII: MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Các học phần trong chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra																			
	Kiến thức								Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm					
	Từ 3 đến 6								Từ 2 đến 5						Từ 2 đến 5					
	K T1	K T2	K T3	K T4	K T5	K T6	K T7	K T8	K N1	K N2	K N3	K N4	K N5	K N6	T C1	T C2	T C3	T C4	T C5	T C6
Triết học	4								4											4
Tiếng Anh	4									2					3	2	3			
Lý luận dạy học		4	5	3	6									5	3	2	3	5	5	
Tâm lý học giáo dục nghệ thuật		4	5	3							3	4	5		3	2	3	5	5	4
Nghệ thuật đương đại		4	5	3							3	4	5		3	2	3	5	5	
Hòa thanh		4	5	3							3	4	5		3	2	3			
Thanh nhạc		4	5	3							3	4	5		3	2	3			
Piano		4	5	3							3	4	5		3	2	3			
Thực tế chuyên môn		4	5	3							3	4	5		3	2	3			4
Chỉ huy hợp xướng		4	5	3	6						3	4	5		3	2	3			
Sáng tác		4	5	3	6						3	4	5		3	2	3	5	5	

Âm nhạc truyền thống Việt Nam		4	5	3	6						3	4	5		3	2	3	5	5	
Nhạc khí dân tộc Việt Nam		4	5	3							3	4	5		3	2	3			
Mỹ học âm nhạc		4	5	3										5	3	2	3			
Giáo dục thẩm mỹ âm nhạc		4	5	3	6								5	5	3	2	3	5	5	4
Công nghệ âm nhạc	4									2						2				
Tổ chức các hoạt động âm nhạc		4	5	3	6						3	4	5		3	2	3	5	5	4
Nhạc cụ tự chọn		4	5	3							3	4	5		3	2	3			
Các chuyên đề giáo dục nghệ thuật		4	5	3							3	4	5		3	2	3			
Phương pháp NCKH giáo dục âm nhạc		4	5	3	6	3	4	6						5	3	2	3	5	5	
Phương pháp dạy học chuyên ngành		4	5	3	6						3	4	5		3	2	3	5	5	4
Phân tích tác phẩm âm nhạc		4	5	3	6						3	4	5		3	2	3	5	5	
Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật		4	5	3	6						3	4	5		3	2	3	5	5	4
Luận văn tốt nghiệp						3	4	6						5	3	2	3	5	5	4

PHẦN VIII: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 62 tín chỉ

1.1. Khối kiến thức chung: 7 tín chỉ

1.2. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 31 tín chỉ

- Các học phần bắt buộc: 20 tín chỉ

- Các học phần tự chọn: 11 tín chỉ/21 tín chỉ

1.3. Nghiên cứu khoa học và luận văn tốt nghiệp: 12 tín chỉ

- Chuyên đề nghiên cứu: 12 tín chỉ

- Luận văn tốt nghiệp: 12 tín chỉ

2. Cấu trúc chương trình đào tạo

Số TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết	Ghi chú
				Giảng lý thuyết	Hướng dẫn học tập	Tự học, tự nghiên cứu...		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
I		Khối kiến thức chung	07					
1	SGS3001	Triết học	4	55	5	140	Không	
2	SGS3002	Tiếng Anh	3	35	10	105	Không	
II		Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành						
II.1		Bắt buộc	20					
		Kiến thức cơ sở	8					
1	SGS3101	Lý luận dạy học	3	35	10	105	Không	
2	SGS3102	Tâm lý giáo dục nghệ thuật	2	25	5	70	Không	
3	SGS3103	Nghệ thuật đương đại	3	35	10	105	Không	
		Kiến thức chuyên ngành	12					
4	SGS3104	Hòa thanh	2	5	25	70	Không	
5	SGS3105	Thanh nhạc	2	5	25	70	Không	
6	SGS3106	Piano	2	5	25	70	Không	

7	SGS3107	Thực tế chuyên môn	6	10	80	210	Không	
		Tự chọn	11/21					
8	SGS3108	Chỉ huy hợp xướng	2	5	25	70	Không	
9	SGS3109	Sáng tác	2	25	5	70	Không	
10	SGS3110	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	3	35	10	105	Không	
11	SGS3111	Nhạc khí dân tộc Việt Nam	2	25	5	70	Không	
12	SGS3112	Mỹ học âm nhạc	2	25	5	70	Không	
13	SGS3113	Giáo dục thẩm mỹ âm nhạc	2	25	5	70	Không	
14	SGS3114	Công nghệ âm nhạc	2	5	25	70	Không	
15	SGS3115	Tổ chức các hoạt động âm nhạc	2	25	5	70	Không	
16	SGS3116	Nhạc cụ tự chọn	2	5	25	70	Không	
17	GSS3117	Các chuyên đề giáo dục nghệ thuật	2	25	5	70	Không	
III		Nghiên cứu khoa học và luận văn	24					
		<i>Chuyên đề nghiên cứu</i>	<i>12</i>					
18	SGS3118	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục âm nhạc	3	40	5	105	Không	
19	SGS3119	Phương pháp dạy học chuyên ngành	3	40	5	105	Không	
20	SGS3120	Phân tích tác phẩm âm nhạc	3	35	10	105	Không	
21	SGS3121	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật	3	5	40	105	Không	
		<i>Luận văn tốt nghiệp</i>	<i>12</i>					
Tổng số			62					

3. Tóm tắt nội dung các học phần

1. SGS3001. Triết học (4 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Triết học là học phần của khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 4 tín chỉ.

Học phần triết học nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về phân môn triết học như: Triết học và vai trò của triết học; lịch sử triết học thế giới và lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam; chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật; chủ nghĩa duy vật lịch sử. Qua đó, thấy được tính tất yếu của sự quá độ đi lên CNXH tại Việt Nam.

2. SGS3002, Tiếng Anh (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Tiếng Anh là học phần của khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 3 tín chỉ.

Học phần cung cấp những kiến thức tiếng Anh cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và cấu trúc câu nhằm giúp học viên hoàn thiện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết ở mức độ lưu loát, để từ đó học viên có thể ứng dụng vào học tập, công tác nghiên cứu và giảng dạy. Học viên có thể hiểu được các ý chính của một diễn ngôn tiêu chuẩn và xử lý được hầu hết các tình huống liên quan đến chủ điểm trong công việc, trường học, giải trí,... ; Có thể xử lý các tình huống đơn giản khi đi đến nơi sử dụng ngôn ngữ; Có khả năng viết đơn giản nhưng liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng và hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của bản thân.

3. SGS3101, Lý luận dạy học (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Lý luận dạy học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần gồm 02 tín chỉ.

Học viên nắm được kiến thức, nội dung, phương pháp (PP) dạy học của Lý luận dạy học. Học viên vận dụng được những kiến thức về nội dung, PPDH của Lý luận dạy học đại học vào tổ chức thực hiện, giải quyết những vấn đề có liên quan tới dạy học và giáo dục Âm

nhạc trong hệ thống các nhà trường; nâng cao năng lực nghề thông qua tổ chức các hoạt động dạy học Âm nhạc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

4. SGS3102. Tâm lý giáo dục nghệ thuật (2 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Tâm lý học Giáo dục nghệ thuật là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần gồm 02 tín chỉ.

Học phần Tâm lý giáo dục nghệ thuật trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về các quan điểm tiếp cận trong tâm lý giáo dục nghệ thuật và những quá trình tâm lý đặc trưng trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật. Học viên phân tích được các biểu hiện và vai trò của vô thức với nghệ thuật, phân tích được các phẩm chất nhân cách sáng tạo của người nghệ sĩ và xây dựng được các biện pháp phát triển năng khiếu, năng lực sáng tạo nghệ thuật của học sinh.

5. SGS3103. Nghệ thuật đương đại (3 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Nghệ thuật đương đại là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần gồm 03 tín chỉ.

Học phần *Nghệ thuật đương đại* cung cấp những kiến thức cơ bản, hệ thống về nghệ thuật đương đại nói chung, âm nhạc đương đại thế giới và Việt Nam nói riêng với các vấn đề: sự hình thành phát triển, tác giả, tác phẩm và công chúng, giúp người học nắm được những nét cơ bản nhất về sự chuyển đổi của nghệ thuật đương đại trên các phương diện: phong cách, quan điểm thẩm mỹ, bút pháp sáng tác, sự hình thành và phát triển các trào lưu nghệ thuật.

6. SGS3104. Hòa thanh (2 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Hòa thanh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần gồm 02 tín chỉ.

Học phần Hoà thanh trang bị những kiến thức nâng cao về phong cách hòa thanh trong âm nhạc cổ điển, lãng mạn; cách phân tích điệu thức trong âm nhạc cổ truyền Việt Nam; các hợp âm thường dùng trong nhạc nhẹ và cách đặt hợp âm đệm cho ca khúc. Học

viên có kỹ năng áp dụng kiến thức lý luận và thực hành về hòa thanh vào học tập các học phần khác trong chuyên ngành LL và PPDH âm nhạc; có kỹ năng sử dụng kiến thức về hòa thanh trong đệm đàn, dàn dựng, sáng tác, phối đệm để phục vụ cho dạy học ở các trường phổ thông, các trường đào tạo nghệ thuật, sư phạm nghệ thuật...

7. SGS3105. Thanh nhạc (2 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Thanh nhạc là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần gồm 02 tín chỉ.

Học phần cung cấp kiến thức nâng cao về phát triển kỹ thuật thanh nhạc cơ bản và củng cố kiến thức, Mở rộng dần âm vực và tính chất linh hoạt của giọng hát. Luyện tập nâng cao các kỹ thuật Legato, Nonlegato, Staccato và các kỹ thuật chuyển giọng ở giọng nữ và đóng tiếng ở giọng nam. Tiếp cận và thực hành các kỹ năng cơ bản về hơi thở (lấy hơi, ém hơi, buông hơi, nhả hơi...) và Khẩu hình trong ca hát cổ truyền ở một số thể loại dân ca (Giao duyên, đối đáp, kể, khách, ngâm, vịnh...); trong hát tính cách nhân vật (sân khấu Chèo), và hát cổ truyền hát xẩm, ca trù...). Phát huy năng lực bản thân để ứng dụng trong học tập, nghiên cứu và thực hành tác phẩm mang kỹ thuật Thanh nhạc hiện đại và Thanh nhạc cổ truyền dân tộc Việt Nam vào ca khúc/bài hát/làn điệu.

8. SGS3106. Piano (2 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Piano là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần gồm 02 tín chỉ.

Học phần trang bị cho người học những kỹ thuật piano cơ bản, giúp người học có nhiều thuận lợi hơn trong giảng dạy... có thể thực hành biểu diễn các nhạc phẩm bằng nhạc cụ piano. Để có thể nâng cao năng lực tổ chức, tập luyện, biểu diễn và khả năng làm việc theo nhóm số lượng lớn; đồng thời, rèn luyện khả năng tổ chức, tập luyện và biểu diễn những tác phẩm âm nhạc. Học viên có thể thực hành biểu diễn các nhạc phẩm bằng nhạc cụ piano.

9. SGS3107. Thực tế chuyên môn (6 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Thực tế chuyên môn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần gồm 06 tín chỉ.

Thực tế chuyên môn là môn học cung cấp cho học viên những kiến thức thực tế, cơ bản nhất mà trong chương trình học tập ở trên lớp đề cập chưa đầy đủ đến học viên.

Thực tế chuyên môn đề cập tới các vấn đề/ công đoạn: chuẩn bị, đi, nghe, quan sát, trao đổi, ghi chép, làm bài... như thế nào; về vấn đề gì của chuyên ngành ở một địa phương/khu vực/vùng/ miền mà học viên đặc biệt quan tâm và phải thực hiện; xử lý các tình huống xảy ra ngoài ý muốn trong chuyến đi...

10. SGS3108. Chỉ huy hợp xướng (2 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Chỉ huy hợp xướng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Học phần gồm 02 tín chỉ.

Chỉ huy hợp xướng là môn học trang bị cho học viên hệ thống kiến thức nâng cao, kỹ năng, kỹ xảo thực hành về chỉ huy âm nhạc nói chung và chỉ huy hợp xướng nói riêng. Trang bị cho học viên cách thức xử lý, trình bày, biểu diễn các tác phẩm âm nhạc mang tính chất đồng diễn.

Môn học trang bị cho học viên kỹ năng tư duy nghiên cứu; biết vận dụng, phân tích tác phẩm, tổng hợp, so sánh và hệ thống trong nghiên cứu âm nhạc. Giúp cho học viên có năng lực tổ chức, tập luyện và biểu diễn các tác phẩm âm nhạc có qui mô lớn, nhiều chương đáp ứng yêu cầu trong dạy học âm nhạc nhà trường.

11. SGS3109. Sáng tác (2 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Sáng tác là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Học phần gồm 02 tín chỉ.

Học phần *Sáng tác* cung cấp cho học viên phương tiện biểu hiện trong âm nhạc học: giai điệu, tiết tấu, nhịp độ, âm sắc, âm khu, cường độ. Qua đó, học viên ứng dụng vào sáng tác, tiến hành hòa âm, giai điệu, lời ca, phổ thơ, phối bè (dành cho hợp xướng, hợp ca, tốp ca, tam ca, song ca...). Học phần *Sáng tác* trình bày cụ thể phương pháp sáng tác ca khúc thính phòng, nhạc nhẹ, dân gian đương đại, hiện đang phổ biến trong đời sống âm nhạc ở Việt Nam. Trong đó, nhạc nhẹ và dân gian là khuynh hướng được đa số giới trẻ yêu thích,

thường thức. Học phần tạo điều kiện cho học viên biểu diễn sáng tác trên sân khấu do ca sĩ, dàn nhạc thể hiện kết hợp cùng một số yếu tố hỗ trợ: vũ đạo, thiết kế sân khấu, ánh sáng, trang âm... Học phần *Sáng tác* cung cấp khối lượng lớn những thủ pháp âm nhạc hàn lâm, chính quy, cơ sở giúp học viên nghiên cứu, tìm hướng xây dựng, khai thác giai điệu, tiến hành hòa âm, phối bè cho hình thức thanh nhạc vừa và nhỏ.

12. SGS3110. Âm nhạc truyền thống Việt Nam (3 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Âm nhạc truyền thống Việt Nam là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Học phần gồm 03 tín chỉ.

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức về khái niệm, vai trò, vị trí, bản sắc về Âm nhạc truyền thống. Giúp học viên nhận diện được hình thức, nội dung của ANTT thông qua các thành tố căn bản (cấu trúc, thang âm, điệu thức, giai điệu, nhịp điệu, tiết tấu, lời ca, diễn xướng, biểu diễn...) của ANTT; phân loại vùng miền, thể loại ca hát cổ truyền, nhạc cụ dân tộc truyền thống để ứng dụng và nghiên cứu và giáo dục ANTT cho học sinh phổ thông và cho các cộng đồng. Từ đó phát huy năng lực bản thân để phân tích, đánh giá, nhận định nhằm ứng dụng trong học tập và nghiên cứu tìm thấy một số bản sắc của ANTT thông qua vùng miền, tộc người hoặc nghệ nhân.

13. SGS3111. Nhạc khí dân tộc (2 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Nhạc khí dân tộc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Học phần gồm 02 tín chỉ.

Học phần Nhạc khí dân tộc Việt Nam cung cấp cho người học một số quan điểm phân loại vùng nhạc khí dân tộc: vùng nhạc khí tộc người, vùng âm nhạc dân gian, biến đổi và tương tác chế tạo nhạc khí. Qua đó hiểu vai trò, chức năng nhạc khí trong đời sống, sinh hoạt, nghi lễ tộc người. Học phần giải thích phương pháp phân loại theo mục đích sử dụng, ảnh hưởng xã hội, khả năng diễn tấu, đưa ra mô hình cấp độ hình loại phạm vi: cộng đồng địa phương; tiểu vùng, vùng, khu vực (liên vùng), quốc gia dân tộc.

14. SGS3112. Mỹ học âm nhạc (2 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Mỹ học âm nhạc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Học phần gồm 02 tín chỉ.

Môn học nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức về mỹ học âm nhạc như: đặc trưng phản ánh hiện thực của âm nhạc; ngôn ngữ, lời ca, hình tượng âm nhạc; nghệ sỹ và thưởng thức âm nhạc. Phân tích và đánh giá được những nhân tố tác động đến quá trình thưởng thức âm nhạc, từ đó có thể thưởng thức âm nhạc một cách đúng đắn hơn, sâu sắc hơn. Khai thác, vận dụng linh hoạt, sáng tạo các quan điểm và những nhân tố tác động đến quá trình thưởng thức âm nhạc vào trong dạy học môn học bản thân phụ trách. Từ đó có thái độ tích cực, chủ động, sáng tạo trong việc vận dụng những kiến thức về mỹ học âm nhạc vào trong thực tiễn làm việc của bản thân.

15. SGS3113. Giáo dục thẩm mỹ âm nhạc (2 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Giáo dục thẩm mỹ âm nhạc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Học phần gồm 02 tín chỉ.

Sau khi học xong học phần Giáo dục thẩm mỹ âm nhạc, học viên có những kiến thức về giáo dục thẩm mỹ âm nhạc. Học viên có kỹ năng áp dụng kiến thức lý của giáo dục thẩm mỹ âm nhạc vào học tập các học phần khác trong chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc; có kỹ năng sử dụng kiến thức về giáo dục thẩm mỹ âm nhạc để phục vụ cho việc nghiên cứu dạy học ở các trường phổ thông, các trường đào tạo nghệ thuật, sư phạm nghệ thuật...

16. SGS3114. Công nghệ âm nhạc (2 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Công nghệ âm nhạc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Học phần gồm 02 tín chỉ.

Nâng cao kỹ năng thực hành công nghệ âm nhạc như: chép nhạc bằng phần mềm; làm quen với một số phần mềm thu âm, phối khí; các kỹ thuật xuất bản âm nhạc thông dụng; các phương tiện thiết bị công nghệ phổ biến hỗ trợ dạy học âm nhạc; thiết kế các sản phẩm multimedia... Mở rộng khả năng ứng dụng thiết bị công nghệ hỗ trợ nghiên cứu và dạy học âm nhạc. Có ý thức vận dụng các thành tựu mới của công nghệ phục vụ dạy học và nghiên cứu âm nhạc, có tư duy sáng tạo trong đổi mới phương pháp dạy học âm nhạc.

17. SGS3115. Tổ chức các hoạt động âm nhạc (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Tổ chức các hoạt động âm nhạc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Học phần gồm 02 tín chỉ.

Học phần Tổ chức các hoạt động âm nhạc cung cấp cho học viên những kiến thức về lý luận và phương pháp tổ chức các hoạt động âm nhạc trong và ngoài nhà trường cho HS, SV tại các trường phổ thông, các đơn vị, cơ sở có đào tạo âm nhạc chuyên hoặc không chuyên. Có kỹ năng áp dụng kiến thức lý luận, thực hành và phương pháp tổ chức các hoạt động âm nhạc vào thực tế dạy học sau này ở các trường phổ thông, các trường đào tạo nghệ thuật, sư phạm nghệ thuật...; có thể phổ biến hoặc hướng dẫn được người khác trong lĩnh vực tổ chức các hoạt động âm nhạc, đáp ứng mục tiêu của chuẩn đầu ra là đào tạo học viên có kỹ năng nghề nghiệp cao trong lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc.

18. SGS3116. Nhạc cụ tự chọn (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Nhạc cụ tự chọn là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Học phần gồm 02 tín chỉ.

Sau khi học xong học phần Nhạc cụ tự chọn, học viên (HV) biết thực hành sử dụng thêm 1 nhạc cụ thứ 2 do học viên lựa chọn (ngoài nhạc cụ piano) trong số các nhạc cụ như đàn phím điện tử, guitar, sáo, nhị, trống, recorder, kèn phím... Từ đó, học viên vận dụng linh hoạt khả năng sử dụng nhạc cụ được học vào trong thực tiễn dạy học các môn, phân môn hoặc chuyên ngành ở các trường phổ thông hoặc các trường đào tạo nghệ thuật, sư phạm nghệ thuật... nơi học viên công tác. HV nhận thức được vai trò của thực hành nhạc cụ đối với các môn học chuyên ngành, xác định được vai trò của môn học, biết tự chủ, tự học, tự nghiên cứu; đáp ứng mục tiêu của chuẩn đầu ra là đào tạo trình độ Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc có kỹ năng nghề nghiệp cao.

19. SGS3117. Các chuyên đề giáo dục nghệ thuật (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Các chuyên đề giáo dục nghệ thuật là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Học phần gồm 02 tín chỉ.

Học phần Các chuyên đề giáo dục nghệ thuật trang bị cho học viên (HV) những kiến thức mang tính cập nhật hoặc chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể trong âm nhạc/nghệ thuật hay giáo dục âm nhạc/nghệ thuật ở trên thế giới và Việt Nam (không có hoặc chưa được học sâu trong các học phần của chương trình đào tạo Thạc sĩ), giúp HV nâng cao kiến thức, năng lực âm nhạc, giáo dục âm nhạc..., đáp ứng yêu cầu đào tạo chuyên ngành Cao học Lý luận và phương pháp dạy học (PPDH) Âm nhạc. Từ đó, HV có khả năng vận dụng vào thực tế công tác sau này, đáp ứng mục tiêu chuẩn đầu của chương trình đào tạo Thạc sĩ Lý luận và PPDH âm nhạc.

20. SGS3118. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục âm nhạc (3 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục âm nhạc là chuyên đề nghiên cứu bắt buộc, gồm 03 tín chỉ.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục âm nhạc, bao gồm các khái niệm, hệ thống kỹ năng, các cơ sở của phương pháp NCKH, các phương pháp NCKH giáo dục âm nhạc... , quy trình nghiên cứu một đề tài khoa học giáo dục âm nhạc. Để từ đó, người học áp dụng kiến thức môn học vào nghiên cứu khoa học và thực hiện luận văn tốt nghiệp.

21. SGS3119. Phương pháp dạy học chuyên ngành (3 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Phương pháp dạy học chuyên ngành là chuyên đề nghiên cứu bắt buộc, gồm 03 tín chỉ.

Sau khi học xong học phần Phương pháp dạy học chuyên ngành, học viên vận dụng được kiến thức lý luận về các phương pháp dạy học một số môn Hát/Thanh nhạc, Ký xướng âm/Độc nhạc, Nghe nhạc, Nhạc cụ và lý thuyết âm nhạc vào dạy học các môn, phân môn chuyên ngành ở các trường phổ thông, các trường đào tạo nghệ thuật, sư phạm nghệ thuật... HV nhận thức được vai trò của phương pháp dạy học đối với các môn học chuyên ngành, đặc biệt là các môn mang tính thực hành cao; xác định được vai trò của môn học, biết tự chủ trong học tập và nghiên cứu.

22. SGS3120. Phân tích tác phẩm âm nhạc (3 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Phân tích tác phẩm âm nhạc là chuyên đề nghiên cứu bắt buộc, gồm 03 tín chỉ.

Phân tích tác phẩm là môn học cung cấp, trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về các hình thức âm nhạc như: Sonate, Giao hưởng (Bản giao hưởng – Symphony, Concerto, Poem) Opera, Ballet nhằm giúp học viên nắm được những nguyên tắc cơ bản và những đặc điểm chủ yếu khi phân tích các tác phẩm Việt Nam (dân ca và nhạc mới). Học viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học, học tập nghiêm túc, hứng thú, tích cực lĩnh hội kiến thức.

23. SGS3121. Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật là chuyên đề nghiên cứu bắt buộc, gồm 03 tín chỉ.

Học phần *Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật* cung cấp cho học viên kiến thức lý thuyết và thực hành về phương pháp dàn dựng, tổ chức biểu diễn sân khấu, lễ hội trong những không gian khác nhau. Học phần nghiên cứu một số khái niệm, đặc điểm, đặc trưng, vai trò và nguyên tắc, quy trình các bước, phương pháp, thủ pháp thực hành dàn dựng chương trình nghệ thuật với các loại hình, thể loại nghệ thuật như ca, múa, nhạc, kịch... khác nhau.

4. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

- Việc thực hiện chương trình đào tạo chuyên ngành LL&PPDH Âm nhạc phải căn cứ theo hướng dẫn tại Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

- Thời gian phân bổ cho chương trình đào tạo áp dụng với 1 khóa học cụ thể phải dựa trên điều kiện thực tế của khóa học.

- Dự kiến kế hoạch đào tạo được phân bổ như sau:

Nội dung thực hiện	Số tín chỉ	Kế hoạch thực hiện
Khối kiến thức chung	7	Học kỳ I
Triết học	4	
Tiếng Anh	3	
Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		Học kỳ I, II, III
Bắt buộc	20	

Kiến thức cơ sở	8	
Lý luận dạy học	3	
Tâm lý giáo dục nghệ thuật	2	
Nghệ thuật đương đại	3	
Kiến thức chuyên ngành	12	
Hòa thanh	2	
Thanh nhạc	2	
Piano	2	
Thực tế chuyên môn	6	
Tự chọn	11/21	
Chỉ huy hợp xướng	2	
Sáng tác	2	
Âm nhạc truyền thống Việt Nam	3	
Nhạc khí dân tộc Việt Nam	2	
Mỹ học âm nhạc	2	
Giáo dục thẩm mỹ âm nhạc	2	
Công nghệ âm nhạc	2	
Tổ chức các hoạt động âm nhạc	2	
Nhạc cụ tự chọn	2	
Các chuyên đề giáo dục nghệ thuật	2	
Nghiên cứu khoa học và luận văn	24	
Chuyên đề nghiên cứu	12	
Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục âm nhạc	3	Học kỳ I
Phương pháp dạy học chuyên ngành	3	Học kỳ II
Phân tích tác phẩm âm nhạc	3	Học kỳ III
Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật	3	Học kỳ IV
Luận văn tốt nghiệp	12	Học kỳ IV

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo

** Chương trình quốc tế*

Master of Music

https://www.uq.edu.au/study/program_list.html?acad_prog=5368

Part A

Course Code	Units	Course Title
<u>MUSC7600</u>	4	Advanced Instrumental Conducting
<u>MUSC7620</u>	4	Advanced Choral Conducting
<u>MUSC7640</u>	4	Advanced Music Theory and Techniques
<u>MUSC7730</u>	4	Technology in Music Education
<u>MUSC7790</u>	4	Composing Music: techniques and strategies for creating music
<u>MUSC7820</u>	4	Music Performance A
<u>MUSC7830</u>	4	Music Performance B
<u>MUSC7860</u>	4	Contemporary Perspectives in Music Education

Part B

Course Code	Units	Course Title
<u>MUSC7710</u>	4	Professional Engagement Project
<u>MUSC7900</u>	4	Thesis

Part C

Course Code	Units	Course Title
<u>MUSC7700</u>	4	Research Methods for the Music Professions

Part D

Course Code	Units	Course Title
<u>MUSC7710</u>	4	Professional Engagement Project

Course Code	Units	Course Title
<u>MUSC7900</u>	4	Thesis
<u>MUSC7920</u>	8	Extended Thesis
<u>MUSC7930</u>	8	Extended Thesis

Tạm dịch ra Tiếng Việt

Thạc sĩ Âm nhạc

https://www.uq.edu.au/study/program_list.html?acad_prog=5368

Phần A

Mã khóa học	Các đơn vị	Tên khóa học
<u>MUSC7600</u>	4	Tiến hành cụ thể
<u>MUSC7620</u>	4	Tiến hành phối hợp nâng cao
<u>MUSC7640</u>	4	Lý thuyết và Kỹ thuật Âm nhạc Nâng cao
<u>MUSC7730</u>	4	Công nghệ Giáo dục Âm nhạc
<u>MUSC7790</u>	4	Sáng tác nhạc: kỹ thuật và chiến thuật tạo nhạc
<u>MUSC7820</u>	4	Hiệu suất Âm nhạc A
<u>MUSC7830</u>	4	Trình diễn Nhạc B
<u>MUSC7860</u>	4	Viễn cảnh đương đại trong Giáo dục Âm nhạc

Phần B

Mã khóa học	Các đơn vị	Tên khóa học
<u>MUSC7710</u>	4	Dự án Nghề nghiệp Chuyên nghiệp
<u>MUSC7900</u>	4	Luận án

Phần C

Mã khóa học	Các đơn vị	Tên khóa học
<u>MUSC7700</u>	4	Các phương pháp nghiên cứu cho ngành âm nhạc

Phần D

Mã khóa học	Các đơn vị	Tên khóa học
<u>MUSC7710</u>	4	Dự án Nghề nghiệp Chuyên nghiệp
<u>MUSC7900</u>	4	Luận án
<u>MUSC7920</u>	số 8	Luận văn mở rộng
<u>MUSC7930</u>	số 8	Luận văn mở rộng

PHẦN IX: GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

T T	Mã học phần		Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				Ghi chú
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
1	SGS3001	Triết học	4	1. Đỗ Lan Hiền 2. Đinh Văn Hoàng	1.PGS, 2011	1.TS, 2001 2.ThS, 2011	Triết học Triết học	
2	SGS3002	Tiếng Anh	3	1. Nguyễn Thị Thanh Dung 2. Trịnh Thị Hà		1. TS, 2017 2. ThS, 2010	Tiếng Anh Tiếng Anh	
3	SGS3101	Lý luận dạy học	3	1. Nguyễn Thị Thu Hằng 2. Mai Quốc Khánh		1. Tiến sĩ, 2021 2. Tiến sĩ, 2015	1. Quản lý giáo dục 2. Giáo dục học	
4	SGS3102	Tâm lý giáo dục nghệ thuật	2	1. Nguyễn Thị Mai Hương 2. Lương Thanh Hải		1. Tiến sĩ, 2016 2. Tiến sĩ, 2017	1. Tâm lý học 2. Tâm lý học	
5	SGS3103	Nghệ thuật đương đại	3	1. Nguyễn Đăng Nghị 2. Nguyễn Thị Tố Mai	1. PGS,2014 2. PGS,2014	1. Tiến sĩ, 2009 2. Tiến sĩ,2010	1. Văn hóa học 2. Nghệ thuật học	
6	SGS3104	Hòa thanh	2	1. Nguyễn Thị Tố Mai 2. Nguyễn Đăng Nghị	1. PGS,2015 2. PGS, 2015	1. Tiến sĩ, 2010	1. Nghệ thuật học 2. Văn hóa học	

						2. Tiến sĩ, 2009		
7	SGS3105	Thanh nhạc	2	1. Đỗ Hương Giang 2. Hà Thị Hoa	2. PGS, 2015	1. TS, 2023 2. TS, 2008	1. Lý luận và PPDH AN 2. Văn hóa học	
8	SGS3106	Piano	2	1. Đinh Công Hải 2. Trần Hoàng Tiến	2. PGS, 2015	1. ThS 2. TS, 2007	1. Biểu diễn piano 2. Văn hóa học	
9	SGS3107	Thực tế chuyên môn	6	1. Hà Thị Hoa 2. Nguyễn Đăng Nghị	1. PGS, 2015 2 PGS, 2015	1. TS, 2007 2. TS, 2009	1. Văn hóa học 2 Văn hóa học	
10	SGS3108	Chỉ huy hợp xướng	2	1. Lê Vinh Hưng 2. Phạm Hoàng Trung	1. PGS, 2020	1. TS, 2. ThS, 2017	1. Nghệ thuật học 2. LL và PPDH âm nhạc	
11	SGS3109	Sáng tác	2	1. Trần Hoàng Tiến 2. Nguyễn Đăng Nghị	1. PGS, 2016 2. PGS, 2015	1. TS, 2007 2. TS, 2009	1. Văn hóa học 2. Văn hóa học	
12	SGS3110	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	2	1. Hà Thị Hoa 2. Phạm Trọng Toàn	1. PGS, 2015 2. PGS, 2013	1. TS, 2007 2. TS	1. Văn hóa học 2. Văn hóa học	
13	SGS3111	Nhạc khí dân tộc Việt Nam	2	1. Trần Hoàng Tiến 2. Lương Minh Tân	1. PGS, 2015	1. TS, 2007 2. ThS	1. Văn hóa học 2. Âm nhạc	
14	SGS3112	Mỹ học âm nhạc	2	1. Nguyễn Đăng Nghị 2. Nguyễn Thị Tố Mai	1. PGS, 2015 2. PGS, 2015	1. TS, 2009 2. TS, 2010	1. Văn hóa học 2. Nghệ thuật học	
15	SGS3113	Giáo dục thẩm mỹ âm nhạc	2	1. Nguyễn Đăng Nghị 2. Nguyễn Thị Tố Mai	1. PGS, 2015 2. PGS, 2015	1. TS, 2009 2. TS, 2010	1. Văn hóa học 2. Nghệ thuật học	
16	SGS3114	Công nghệ âm nhạc	2	1. Lương Minh Tân 2. Trần Hoàng Tiến	2. PGS, 2015	1. Thạc sĩ 2. TS, 2007	1. Nghệ thuật âm nhạc sáng tác 2. Văn hóa học	
17	SGS3115	Tổ chức các hoạt động âm nhạc	2	1. Nguyễn Thị Tố Mai 2. Nguyễn Đăng Nghị	1. PGS, 2015 2. PGS, 2015	1. TS, 2010 2. TS, 2009	1. Nghệ thuật học 2. Văn hóa học	

18	SGS3116	Nhạc cụ tự chọn	2	1. Trần Hoàng Tiến 2. Lương Diệu Ánh 3. Một số GV khác đủ điều kiện dạy học	1. PGS,2015	1. TS,2007 2.ThS,2009	1. Văn hóa học 2. Lý luận âm nhạc	
19	SGS3117	Các chuyên đề giáo dục nghệ thuật	2	Là những GV, chuyên gia được lựa chọn dạy chuyên đề, đủ điều kiện theo quy định.	GV, GS, PGS, TS, nhà nghiên cứu, nghệ sĩ, nhạc sĩ, nghệ nhân...			
20	SGS3118	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục âm nhạc	3	1. Nguyễn Đăng Nghị 2. Nguyễn Thị Tố Mai	1. PGS,2015 2. PGS,2015	1. TS,2009 2. TS,2010	1. Văn hóa học 2. Nghệ thuật học	
21	SGS3119	Phương pháp dạy học chuyên ngành	3	1. Nguyễn Thị Tố Mai 2. Nguyễn Đăng Nghị	1. PGS,2015 2. PGS,2015	1. TS, 2010 2. TS,2009	1. Nghệ thuật học 2. Văn hóa học	
22	SGS3120	Phân tích tác phẩm âm nhạc	3	1. Nguyễn Đăng Nghị 2. Nguyễn Thị Tố Mai	1. PGS,2015 2. PGS,2015	1. TS,2009 2. TS, 2010	1. Văn hóa học 2. Nghệ thuật học	
23	SGS3121	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật	3	1. Trần Hoàng Tiến 2. Nguyễn Thị Tố Mai	1. PGS,2015 2. PGS,2015	1. TS,2007 2. TS, 2010	1. Văn hóa học 2. Âm nhạc	

PHẦN X. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU PHỤC VỤ CHO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m)	Mã học phần	Tên học phần	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3001	Triết học	
2	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic, đài, loa		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3002	Tiếng Anh	
3	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3101	Lý luận dạy học	
4	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3102	Tâm lý học giáo dục nghệ thuật	
5	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3103	Nghệ thuật đương đại	

	chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic					
6	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3104	Hòa thanh	
7	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3105	Thanh nhạc	
8	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3106	Piano	
9	Thực tế tại các địa điểm theo kế hoạch của Khóa học		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3107	Thực tế chuyên môn	
10	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3108	Chỉ huy hợp xướng	

11	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3109	Sáng tác	
12	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic, <i>Phòng hòa nhạc</i>		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3110	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	
13	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3111	Nhạc khí dân tộc Việt Nam	
14	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3112	Mỹ học âm nhạc	
15	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3113	Giáo dục thẩm mỹ âm nhạc	

16	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3114	Công nghệ âm nhạc	
17	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3115	Tổ chức các hoạt động âm nhạc	
18	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3116	Nhạc cụ tự chọn	
19	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3117	Các chuyên đề giáo dục nghệ thuật	
20	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3118	Phương pháp NCKH giáo dục âm nhạc	

21	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3119	Phương pháp dạy học chuyên ngành	
22	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3120	Phân tích tác phẩm âm nhạc	
23	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic, Phòn Hòa nhạc		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng Phòng: 200m2	SGS3121	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật	
24	Phòng bảo vệ luận văn E302		Phòng 40m2		Luận văn tốt nghiệp	

2. Học liệu

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

1	SGS3001	Triết học	4	1. Học liệu bắt buộc: - Giáo trình triết học (dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành triết học) 2. Học liệu tham khảo: - Giáo trình Triết học, - Giáo trình triết học (dùng cho học viên cao học thuộc chuyên ngành triết học)	1. Học liệu bắt buộc: - Bộ Giáo dục và Đào tạo 2. Học liệu tham khảo: - Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh - Bộ Giáo dục và Đào tạo	1. Học liệu bắt buộc: - NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, năm 2017. 2. Học liệu tham khảo: - NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2013. - NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006.	
2	SGS3002	Tiếng Anh	3	1. Học liệu bắt buộc: - Solutions Pre-Intermediate 2. Học liệu tham khảo:	1. Học liệu bắt buộc: - Tim Falla, Paul A Davies	1. Học liệu bắt buộc: - the second edition - Oxford University Press, 2012. 2. Học liệu tham khảo:	

				- <i>New Headway re-Intermediate</i> - <i>Destination B1 Grammar and Vocabulary with Answer key</i>	2. Học liệu tham khảo: - John and Liz Soars with Sylvia Wheeldon. - Malcolm Steve Taylore - Knowles	- The Third Edition - Oxford Universi Press, 2007 -Macmillan, 2014	
3	SGS3101	Lý luận dạy học	3	1. Học liệu bắt buộc: - <i>Lý luận dạy học hiện đại, cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học</i> 2. Học liệu tham khảo: - <i>Thông tư Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông</i>	1. Học liệu bắt buộc: - Bernd Meier- Nguyễn Văn Cường. 2. Học liệu tham khảo: - Bộ Giáo dục và Đào tạo.	1. Học liệu bắt buộc: - NXB ĐHSB Hà Nội, 2022 2. Học liệu tham khảo: -Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018; https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-20-2018-TT-BGDDT-quy-dinh-chuan-nghe-nghiep-giao-vien-co-so-giao-duc-pho-thong-392701.aspx	

				- Giáo dục học	- Phạm Viết Vượng	- NXB ĐHSP, Hà Nội, 2017.	
4	SGS3102	Tâm lý giáo dục nghệ thuật	2	1. Học liệu bắt buộc: - <i>Giáo trình tâm lý học Nghệ thuật</i> - <i>Tâm lý học nghệ thuật</i> 2. Học liệu tham khảo: - <i>Phân tâm học và văn hóa nghệ thuật</i> - <i>Về cái tinh thần trong nghệ thuật</i>	1. Học liệu bắt buộc: - Tổng cục Chính trị - L.X.Vurgôtxki 2. Học liệu tham khảo: - Freud (Biên soạn: Đỗ Lai Thúy) - Kandinsky - Ngụy Hữu Tâm, Trần Vinh (dịch)	1. Học liệu bắt buộc: - NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2018. - Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, VN, 1995. 2. Học liệu tham khảo: - NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2004. - NXB Đà Nẵng, VN, 2019.	
5	SGS3103	Nghệ thuật đương đại	3	1. Học liệu bắt buộc: - <i>Âm nhạc mới Việt Nam tiến trình và thành tựu</i> - <i>Trích giảng âm nhạc thế giới thế kỷ 20</i> 2. Học liệu tham khảo:	1. Học liệu bắt buộc: - Tú Ngọc - Nguyễn Thị Nhung - Vũ Tự Lân - Thái Phiên - Tú Ngọc 2. Học liệu tham khảo:	1. Học liệu bắt buộc: - Viện Âm nhạc, Hà Nội, 2000. - Nhạc viện Hà Nội, VN, 1999 2. Học liệu tham khảo:	

				- <i>Tìm hiểu Nghệ thuật đương đại Việt Nam.</i> - <i>Âm nhạc thính phòng giao hưởng Việt Nam - Sự hình thành và phát triển - Tác giả, tác phẩm</i>	- Đinh Gia Lê - Nguyễn Thị Nhung	- Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội. 2016 - Viện Âm nhạc, Hà Nội, 2001.	
6	SGS3104	Hòa thanh	2	1. Học liệu bắt buộc: - <i>Hòa âm trong sáng tác âm nhạc nửa đầu thế kỉ XX</i> - <i>Sách giáo khoa hòa thanh</i> 2. Học liệu tham khảo: - <i>Tuyển chọn bài tập phân tích hòa thanh</i> - <i>Giáo trình phân tích tác phẩm âm nhạc</i> - <i>Giáo trình Lý thuyết Âm nhạc cơ bản (hệ Đại học Sư phạm âm nhạc)</i>	1. Học liệu bắt buộc: - <i>Nguyễn Trọng Ánh</i> - Phạm Tú Hương - Vũ Nhật Thăng 2. Học liệu tham khảo: - Hoàng Hoa- Phạm Ngọc Bích - Phạm Lê Hòa - Trịnh Hoài Thu	1. Học liệu bắt buộc: - NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2021. - Nhạc viện Hà Nội, Nxb Âm nhạc, 1993. 2. Học liệu tham khảo: - Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Hà Nội, 2012. - Nxb Âm nhạc, Hà Nội, 2013. - Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2014	

7	SGS3105	Thanh nhạc	2	1. Học liệu bắt buộc: - Phương pháp sư phạm thanh nhạc - Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát 2. Học liệu tham khảo: - Giáo trình Thanh nhạc 1 hệ Đại học Sư phạm Âm nhạc - Những làn điệu chèo cổ chọn lọc - Dạy học hát Chèo và Quan họ cho sinh viên Đại học Sư phạm Âm nhạc	1. Học liệu bắt buộc: - Nguyễn Trung Kiên - Trần Ngọc Lan 2. Học liệu tham khảo: - Đào Khánh Chi (chủ biên) - Hoàng Kiều - Hà Hoa - Đặng Thị Lan	1. Học liệu bắt buộc: - Bộ Văn hóa - Thông tin, Nhạc viện Hà Nội- Viện Âm nhạc, 2001 - Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội 2011. 2. Học liệu tham khảo: - Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW (Lưu hành nội bộ), 2019. - Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007. - Luận án TS, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2020.	
---	---------	------------	---	--	---	--	--

8	SGS3106	Piano	2	1. Học liệu bắt buộc: - Invention - Kuhlau Sonatine 2. Học liệu tham khảo: - Les saisons - Klavier Werke (Những bài tập cho đàn Klavier)	1. Học liệu bắt buộc: - J.S. Bach. - Henry Lemoine 2. Học liệu tham khảo: - P.I. Tchaikovsky - Brahms	1. Học liệu bắt buộc: - Bakui -1980 - Paris Bruxelles 2. Học liệu tham khảo: - Moscow, 1979 - CF.Peters Coporation	
9	SGS3107	Thực tế chuyên môn	6	1. Học liệu bắt buộc: - Ghi chép về văn hóa và âm nhạc 2. Học liệu tham khảo: - Âm nhạc Việt Nam truyền thống và hiện đại	1. Học liệu bắt buộc: -Tô Ngọc Thanh 2. Học liệu tham khảo: - Tô Vũ	1. Học liệu bắt buộc: - NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2012 2. Học liệu tham khảo: - Viện Âm nhạc, Hà Nội, 2002	
10	SGS3108	Chỉ huy hợp xướng	2	1. Học liệu bắt buộc: - Giáo trình Chỉ huy hợp xướng - Hợp xướng Việt Nam 2. Học liệu tham khảo: - Giáo trình Hợp xướng	1. Học liệu bắt buộc: - Lê Vinh Hưng - Lê Vinh Hưng 2. Học liệu tham khảo: - Lê Vinh Hưng	1. Học liệu bắt buộc: - Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019 (Lưu hành nội bộ) - Nxb Văn hóa dân tộc, 2020, HN, VN. 2. Học liệu tham khảo: - Lưu hành nội bộ, 2019, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW	

11	SGS3109	Sáng tác	2	1. Học liệu bắt buộc: - Người bạn đường: Nghệ thuật viết ca khúc, - Phân tích tác phẩm âm nhạc 2. Học liệu tham khảo: - Âm nhạc thánh phòng giao hưởng Việt Nam - Phân tích ca khúc	1. Học liệu bắt buộc: - Vân Đông - Đào Ngọc Dung 2. Học liệu tham khảo: - Nguyễn Thị Nhung - Đào Ngọc Dung	1. Học liệu bắt buộc: - Sở Văn hóa - Thông tin Quảng Ngãi xb, 1995. - Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2003, sách dành cho giáo viên và các trường Sư phạm âm nhạc 2. Học liệu tham khảo: - Viện Âm nhạc, 2001 - Nxb Âm nhạc, Hà Nội, 2006	
12	SGS3110	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	3	1. Học liệu bắt buộc: - Âm nhạc Việt Nam truyền thống và hiện đại 2. Học liệu tham khảo: - Âm nhạc cổ truyền Việt Nam - Nhập môn Âm nhạc cổ truyền - Những làn điệu Chèo cổ chọn lọc	1. Học liệu bắt buộc: - Tô Vũ 2. Học liệu tham khảo: - Nguyễn Thụy Loan - Hà Thị Hoa - Hoàng Kiều - Hà Hoa	1. Học liệu bắt buộc: - Viện Âm nhạc, Hà Nội 2002 2. Học liệu tham khảo: - NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006 - NXB Âm nhạc, Hà Nội, 2014	

				- <i>Giáo trình Âm nhạc truyền thống Việt Nam</i>	- Nguyễn Thị Mỹ Liêm	- Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2007 - NXB Âm nhạc, Hà Nội, 2014	
13	SGS3111	Nhạc khí dân tộc Việt Nam	2	1. Học liệu bắt buộc: - <i>Nhạc khí gõ trống để trong chèo truyền thống</i> - <i>Âm nhạc Việt Nam truyền thống và hiện đại</i> 2. Học liệu tham khảo: - <i>Giáo trình Âm nhạc truyền thống Việt Nam</i> - <i>Âm nhạc cổ truyền Việt Nam</i>	1. Học liệu bắt buộc: - Nguyễn Thị Nhung - Tô Vũ 2. Học liệu tham khảo: - Nguyễn Thị Mỹ Liêm - Nguyễn Thụy Loan	1. Học liệu bắt buộc: - Viện Âm nhạc, Nxb Âm nhạc, 1998 - Viện Âm nhạc, Hà Nội 2002 2. Học liệu tham khảo: - NXB Âm nhạc, Hà Nội, 2014 - Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006	
14	SGS3112	Mỹ học âm nhạc	2	1. Học liệu bắt buộc: - <i>Theo dòng âm thanh cái đẹp sai cánh</i> - <i>Bay lên từ truyền thống</i> 2. Học liệu tham khảo:	1. Học liệu bắt buộc: - Dương Viết Á - Nguyễn Đăng Nghị	1. Học liệu bắt buộc: - Nhạc viện Hà Nội - Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội XB, 1996 - NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2011 2. Học liệu tham khảo:	

				- Phạm trù cái cao cả trong âm nhạc Việt Nam - Hà Nội ca diễn trình nhận thức thẩm mỹ	2. Học liệu tham khảo: - Dương Viết Á - Dương Viết Á	- NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, 2019 - NXB Viện Âm nhạc, Hà Nội, 2014	
15	SGS3113	Giáo dục thẩm mỹ âm nhạc	2	1. Học liệu bắt buộc: - Theo dòng âm thanh cái đẹp sai cánh 2. Học liệu tham khảo: - Bay lên từ truyền thống - Mỹ học đại cương	1. Học liệu bắt buộc: - Dương Viết Á 2. Học liệu tham khảo: - Nguyễn Đăng Nghị - Lê Văn Dương, Lê Đình Lục, Lê Hồng Vân	1. Học liệu bắt buộc: - Nhạc viện Hà Nội - Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, 1996 2. Học liệu tham khảo: - Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2011. - Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999.	
16	SGS3114	Công nghệ âm nhạc	2	1. Học liệu bắt buộc: - Công nghệ âm nhạc - Dành cho trình độ sau đại học	1. Học liệu bắt buộc: - Lương Minh Tân	1. Học liệu bắt buộc:	

				2. Học liệu tham khảo: - Tự học thiết kế trang web - Quản lí hệ thống máy tính - http://www.techmusic.edu.vn	2. Học liệu tham khảo: - Thành Phú - Nguyễn Vũ Quốc Hưng (chủ biên), Nguyễn Hữu Mùi	- Tài liệu lưu hành nội bộ của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019 2. Học liệu tham khảo: - Nxb Thống kê, 2002. - Nxb Đại học sư phạm, 2007	
17	SGS3115	Tổ chức các hoạt động âm nhạc	2	1. Học liệu bắt buộc: - Trải nghiệm các hoạt động âm nhạc 2. Học liệu tham khảo: - Phương pháp dạy học âm nhạc ở trường Tiểu học và Trung học cơ sở	1. Học liệu bắt buộc: - Nguyễn Thị Lệ Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thu Hằng, 2. Học liệu tham khảo: - Lê Anh Tuấn	1. Học liệu bắt buộc: - Giáo trình nội bộ Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội, 2019 2. Học liệu tham khảo: - NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 2010	
18	SGS3116	Nhạc cụ tự chọn	2	1. Học liệu bắt buộc: - Invention 2. Học liệu tham khảo:	J.S. Bach.	Bakui, 1980	

				- Cây đàn bầu, những âm thanh kì diệu - Hòa tấu ghi ta	- Phạm Phúc Minh - Nguyễn Quốc Vương	- Nxb Âm nhạc, 1999 - Nxb Thanh niên, 2002	
19	SGS3117	Các chuyên đề giáo dục nghệ thuật	2	1. Học liệu bắt buộc: Về cái tinh thần trong Nghệ thuật 2. Học liệu tham khảo: Âm nhạc thính phòng giao hưởng Việt Nam - Sự hình thành và phát triển - Tác giả, tác phẩm	Về cái tinh thần trong Nghệ thuật Nguyễn Thị Nhung	NXB Đà Nẵng, 2019 Viện Âm nhạc, Hà Nội, 2001	
20	SGS3118	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Âm nhạc	3	1. Học liệu bắt buộc: - <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i> 2. Học liệu tham khảo: - <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học âm nhạc và giáo dục âm nhạc</i>	1. Học liệu bắt buộc: - Vũ Cao Đàm 2. Học liệu tham khảo: - Nguyễn Thị Tố Mai - Phó Đức Hòa	1. Học liệu bắt buộc: - Nxb Khoa học và kỹ thuật, 1996. 2. Học liệu tham khảo: - Giáo trình nội bộ Khoa Sau đại học Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2023.	

21	SGS3119	Phương pháp dạy học chuyên ngành	3	1. Học liệu bắt buộc: - <i>Lý luận dạy học hiện đại, cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học</i> - <i>Phương pháp sư phạm thanh nhạc</i> - <i>Phương pháp dạy thanh nhạc</i> - <i>Phương pháp dạy học Kỹ Xương âm trong đào tạo giáo viên âm nhạc phổ thông</i> 2. Học liệu tham khảo: - <i>Lịch sử nghệ thuật Thanh nhạc phương Tây</i> - <i>Giáo trình Lịch sử âm nhạc thế giới (phần châu Âu) cho hệ DHSP Âm nhạc</i>	1. Học liệu bắt buộc: - Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường - Nguyễn Trung Kiên - Hồ Mộ La - Trịnh Hoài Thu (chủ biên), Nguyễn Thị Tố Mai, Nguyễn Thị Hải Phượng, Trần Thị Thu Anh 2. Học liệu tham khảo: - Hồ Mộ La - Nguyễn Thị Tố Mai	1. Học liệu bắt buộc: - Nxb ĐHSP, Hà Nội, 2022. - Viện âm nhạc, Hà Nội, 2001. - NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2008. - Nxb Âm nhạc, Hà Nội, 2011 2. Học liệu tham khảo: - Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2005. - NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2022.	
----	---------	----------------------------------	---	--	--	---	--

22	SGS3120	Phân tích tác phẩm âm nhạc	3	1. Học liệu bắt buộc: - Giáo trình Phân tích tác phẩm âm nhạc 2. Học liệu tham khảo: - Phân tích tác phẩm âm nhạc - Thử loại âm nhạc	1. Học liệu bắt buộc: - Phạm Lê Hòa 2. Học liệu tham khảo: - Đào Ngọc Dung - Nguyễn Thị Nhung	1. Học liệu bắt buộc: -Nxb Âm nhạc, Hà Nội, 2013. 2. Học liệu tham khảo: - Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2003 - Nxb Âm nhạc - Nhạc viện Hà Nội, 1996.	
23	SGS3121	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật	3	1. Học liệu bắt buộc: - Phương pháp đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp 2. Học liệu tham khảo: - Ca hát và biểu diễn - Phương pháp hát và chỉ huy dàn dựng hát tập thể	1. Học liệu bắt buộc: - Lê Ngọc Canh 2. Học liệu tham khảo: - Nguyễn Đăng Hòe, Đức Bằng - Vũ Tự Lân, Lê Thế Hào	1. Học liệu bắt buộc: - Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2009 2. Học liệu tham khảo: - Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1982. - Nxb Giáo dục, 1998	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH

PGS.TS. Lê Vinh Hưng